

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2019/DSST

Ngày: 31-5-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nha

2. Ông Nguyễn Bình Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Nữ Thanh Hương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2018, về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Tường V, sinh năm: 1976

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Phú Lộc, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1985

Địa chỉ cư trú: Số 08 Lê Hồng Phong, tổ dân phố Ngô Mây, phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2018). (Bà Trang có đơn xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm: 1968

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Phú Lộc, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên hệ: Công ty Luật TNHH MTV Vũ Như H & Cộng sự - Số 16 Mạc Đình Chi, phường Phước Tiến, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Như H, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số 16 Mạc Đĩnh Chi, phường Phước Tiến, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Vũ Như H & Cộng sự - thuộc đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1964

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Lộc Thịnh, phường Cam Lộc, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

- Ông Trần Văn M, sinh năm: 1966

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Phú Lộc, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018; bản tự khai ngày 28/5/2018, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày: Vào ngày 14/5/2016 âm lịch (tức ngày 18/6/2016 dương lịch) bà Nguyễn Thị Thu C vay của bà Hoàng Thị Tường V số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) để làm ăn. Bà C hẹn khi nào bà V cần sẽ trả cho bà V. Tuy nhiên khi cần tiền bà V đã nhiều lần đòi nhưng bà C không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu C phải trả một lần toàn bộ số tiền đã vay là 140.000.000 đồng cho bà V và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2018, ngày 26/9/2018 và ngày 27/11/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C trình bày: Đầu năm 2015, bà có vay của bà V số tiền 90.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng là 7.000.000 đồng, bà trả lãi đến ngày 10/5/2016 thì bà không trả lãi nữa, sau đó bà và bà V tính tiền gốc và lãi là 140.000.000 đồng và bà V hốt huê trừ hết nợ, còn dư 5.000.000 đồng để bà V trừ huê. Trong thời gian bà bị đổ nợ, bà V có tới nhà đòi nợ và có gặp anh ruột bà là ông Nguyễn Văn S, bà V hứa cho tiền lời lãi và chốt tiền gốc và lãi là 200.000.000 đồng, ông Sanh có trả thay cho bà 166.000.000 đồng, bà chỉ còn nợ bà V 34.000.000 đồng. Nay bà V yêu cầu bà trả 140.000.000 đồng thì bà không chấp nhận, bà nhận thấy giấy mượn tiền ngày 14/5/2016 AL không phải chữ viết và chữ ký của bà, trên chữ viết bà nhận thấy có 2 nét chữ khác nhau, bà xác định Giấy mượn tiền này là do nguyên đơn tự làm ra, không phải là sự thật nên bà không đồng ý trả. Bà có thỏa thuận vay tiền mặt của bà Hoàng Thị Tường V không có giấy tờ và anh trai của bà là ông Nguyễn Văn S đã thay mặt bà trả cho bà V số tiền 166.000.000 đồng, bao gồm toàn bộ gốc và lãi theo cách tính của bà V. Vì vậy bà đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Hoàng Thị Tường V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2018, nguyên đơn bà Hoàng Thị Tường V trình bày:

Theo “Giấy Do vô quē để trả nợ 140.000.” lập ngày 20/5/AL do bà C cung cấp cho Tòa, mục đích bà ghi giấy này là tạo điều kiện cho bà C trả nợ cho bà số tiền 140.000.000 đồng bằng cách bà C nhờ bà đứng ra chơi 1 đầu huê và hốt đầu

huê với chủ huê khác để bà C trả nợ cho bà, hàng tháng bà C đóng cho bà 10.000.000 đồng cho đến khi mãn huê, khi bà nhận tiền đóng huê chết của bà C thì bà kí nhận tiền. Tuy nhiên bà không thể giúp được bà C vì không ai cho bà vô huê cho nên giấy này không có giá trị gì với vụ án này. Đồng thời bà không nhận bất cứ khoản tiền nào của ông Sanh để trả nợ thay cho bà C để trừ vào khoản tiền 140.000.000 đồng nên bà không chấp nhận lời khai của bà C. Bà xác định giấy mượn tiền lập ngày 14/5/2016 AL do chính tay bà C viết, kí và ghi rõ họ tên trước mặt bà và tại nhà của bà.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn Nguyễn Thị Minh T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, ông Trần Văn M và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa và các phiên hòa giải. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Tường V buộc bà Nguyễn Thị Thu C phải trả cho bà V 140.000.000 đồng. Bà C phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Giấy mượn tiền ngày 14/5/2016; Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Công T; Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị Tường V; Giấy Do vô quê để trả nợ 140.000.” ngày 20/5/AL.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 27/6/2018, 16/01/2019 ngày của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Hoàng Thị Tường V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu C phải trả cho bà số tiền vay. Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, ông Trần Văn M; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Vũ Như H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng tất cả các đương sự vắng mặt không có lý do; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Nhận thấy giấy mượn tiền giữa bà V và bà C

được lập vào ngày 14/5/2016AL (tức ngày 18/6/2016 dương lịch) là hợp đồng vay không kì hạn và không có lãi. Bà Hoàng Thị Tường V nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu C phải trả số tiền vay là 140.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi trong một thời gian dài nhưng bà Nguyễn Thị Thu C không đồng ý trả nợ cho bà V.

Bà C thừa nhận vào năm 2015 bà có vay của bà V 90.000.000 đồng nhưng bà chỉ trả lãi đến ngày 10/5/2016, sau một thời gian hai bên có tính tiền gốc và tiền lãi là 140.000.000 đồng, sau thời gian bà đổ nợ thì bà V đến nhà yêu cầu bà trả nợ và hứa không tính lãi, hai bên chốt tiền gốc và lãi là 200.000.000 đồng và số tiền này được anh trai bà là ông Nguyễn Văn S đứng ra trả thay được 166.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại 34.000.000 đồng, nay bà V yêu cầu trả 140.000.000 đồng bà không đồng ý vì giữa bà và bà V không có lập giấy mượn tiền nên bà không thừa nhận giấy mượn tiền lập ngày 14/5/2016.

[3] Tòa án nhân dân thành phố C đã nhiều lần có văn bản yêu cầu bà C đến Tòa án cung cấp chứng cứ, mẫu chữ kí, chữ viết trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017 để Tòa án trưng cầu giám định nhưng bà C không thực hiện được. Đồng thời Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập bà C và ông Nguyễn Văn S đến Tòa để cung cấp lời khai và tiến hành đối chất, hòa giải nhưng bà C và ông S cố tình vắng mặt không có lý do. Mặt khác bà C cũng không có chứng cứ chứng minh đã trả cho bà V 166.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đối với “Giấy Do vô quē để trả nợ 140.000.” lập ngày 20/5/AL có chữ ký của bà Hoàng Thị Tường V do bà C cung cấp cho Tòa, mục đích việc lập giấy này là tạo điều kiện cho bà C trả nợ cho bà V số tiền 140.000.000 đồng bằng cách bà C nhờ bà V đứng ra chơi 1 đầu huê và hốt đầu huê với chủ huê khác để bà C trả nợ cho bà V, hàng tháng bà C đóng cho bà V 10.000.000 đồng cho đến khi mãn huê, khi bà V nhận tiền đóng huê chêt của bà C thì bà kí nhận tiền. Tuy nhiên bà V không thể giúp được bà C vì không ai cho bà V vô huê cho nên giấy này không có giá trị gì đối với vụ án này.

[4] Tại phiên tòa, Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, ông Trần Văn M và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vắng mặt không rõ yêu cầu và từ khi Tòa án thụ lý đến nay bà C, ông Sanh cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho mình nên Hội đồng xét xử xét thấy bà C cố tình trốn tránh, vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ những nhận định trên, có cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị Thu C có vay của bà Hoàng Thị Tường V 140.000.000 đồng vào ngày 14/5/2016 AL (tức ngày 18/6/2016 dương lịch) nhưng chưa trả nợ. Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu bà C phải trả cho bà V số tiền 140.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 463; Điều 466; Điều 469 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Bà V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ

sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của bà V được Tòa án chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $140.000.000đ \times 5\% = 7.000.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Tường V:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu C phải trả cho bà Hoàng Thị Tường V 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

2. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Thu C phải nộp 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Hoàng Thị Tường V 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0012286, ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

3. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. *Quy định:* Kể từ ngày bà Hoàng Thị Tường V có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị Thu C chưa thi hành xong khoản tiền phải trả cho bà Hoàng Thị Tường V. Hàng tháng, bà Nguyễn Thị Thu C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Người đại diện theo ủy quyền cho của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, ông Trần Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy